

SỐ: 124/2020/QĐST-HNGĐ

N, Ngày 03 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị H, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975.

Nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: - Các điều 33, 38, 55, 59, 81, 82, 83, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về con chung:** Chị Mai Thị H sẽ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 18/11/2006. Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Minh Đ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 tháng, kể từ tháng 09/2020 cho đến khi cháu Minh Đ đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Thị

Thu H, sinh ngày 02/4/2002 hiện đã đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập được nên chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*** Về tài sản chung:** Chị Mai Thị H, anh Nguyễn Văn T đã tự thỏa thuận đề nghị Tòa án công nhận như sau:

Chị Mai Thị H được quyền sử dụng và quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng mà hiện nay anh T đang quản lý có tổng giá trị là 380.454.008đ (Ba trăm tám mươi triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn không trăm linh tám đồng) gồm các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng diện tích đất 200m² trong đó có 50m² đất ở và 150m² đất vườn tại thửa số 169, tờ bản đồ số 33 Bản đồ địa chính xã Q. Địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Q, huyện N, Ninh Bình. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Nho Quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 601411 ngày 17/11/2015 mang tên anh Nguyễn Văn T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện anh T đang quản lý trị giá 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

+ Quyền sở hữu các tài sản được xây dựng trên thửa đất trên gồm:

- 01 nhà mái bằng 1 tầng có diện tích sử dụng 68,64m² và hiên nhà diện tích 7,4m² trị giá 234.882.979đ (Hai trăm ba mươi tư triệu tám trăm tám mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng).

- 01 nhà bếp diện tích 13,5m² trị giá 12.905.289đ (Mười hai triệu chín trăm linh năm nghìn hai trăm tám mươi chín đồng).

- Lán tôn cột kẽm diện tích 30,8m² trị giá 12.054.430đ (Mười hai triệu không trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

- 01 giếng hạ ống cống 4m³ trị giá 4.614.740đ (Bốn triệu sáu trăm mười bốn nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

- Tường rào xây gạch bi 4,04m³ trị giá 3.053.250đ (Ba triệu không trăm năm mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- Tấm nhựa trắng dựng chống gió khung kẽm diện tích 4,6m² trị giá 511.576đ (Năm trăm mười một nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng).

- Trụ cổng xây gạch bi trị giá 528.925đ (Năm trăm hai mươi tám nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng).

Tổng giá trị tài sản trên đất là: 270.454.008đ (Hai trăm bảy mươi triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn không trăm linh tám đồng).

* Chị Mai Thị H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản chung của vợ chồng cho anh Nguyễn Văn T số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng). Thời điểm thanh toán là ngày 25/9/2020. Sau khi chị H thanh toán đủ tiền cho anh T, anh T có trách nhiệm giao lại tất cả các tài sản thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu chung của hai vợ chồng cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 17/11/2015 mang tên anh Nguyễn Văn T cho chị H. Đồng thời anh T phải rời khỏi nhà đất để chị H cùng các con về sinh sống.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán hết số tiền phải thi hành án cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* **Về công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung:** Chị H, anh T đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:** Chị H đã tự thanh toán nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về án phí:**

- **Án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị Mai Thị H nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000501 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- **Án phí phân chia tài sản chung:**

Chị Mai Thị H phải nộp là 4.761.350đ (Bốn triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn ba trăm năm mươi đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000502 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Hoàn trả lại cho chị H 4.738.650đ (Bốn triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Nguyễn Văn T phải nộp là 4.750.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã Q;
- Dương sự;
- Lưu HS./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

ĐÀO THỊ HUỆ